

CHUYÊN ĐỀ 9.

CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Tú Trinh¹



I. KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

1. Vị trí địa lý

- Nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, diện tích 3,5 triệu Km²; tiếp giáp 9 nước (Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Ấn Độ, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan)
- Việt Nam có đường bờ biển dài 3.260 km; có 28/63 tỉnh, thành phố có biển; có 1 triệu km² biển, gấp 3 lần diện tích đất liền;
- Có khoảng 3000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa;
- Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các quốc gia ven biển có 05 vùng biển gồm: Nội thủy nằm bên trong đường cơ sở; lãnh hải có

¹ Trưởng bộ môn Chính trị - Xã hội, Khoa Chính trị - Luật

chiều rộng 12 hải lý; vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở; riêng thềm lục địa có thể kéo dài ra tới 350 hải lý.

- Có vị trí chiến lược quan trọng: nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, châu Á với châu Âu, châu Úc với Trung Đông. Giao lưu quốc tế thuận lợi, phát triển ngành biển.

- Vùng biển và hải đảo nước ta có vị trí chiến lược hết sức to lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, có liên quan trực tiếp đến sự phồn vinh của đất nước, đến văn minh và hạnh phúc của nhân dân.

Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực mà còn của cả Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Mỹ.

2. Tiềm năng và tầm quan trọng của biển

+ Về kinh tế.

- *Hải sản*: Ở vùng biển nước ta đến nay có khoảng 2.040 loài cá trữ lượng cá ở vùng biển nước ta khoảng 3 triệu tấn/năm.

- *Chim biển*: Các loài chim biển ở nước ta vô cùng phong phú, gồm: hải âu, bồ nông, chim rẽ, hải yến,..

- *Rong biển*: Trên biển nước ta có trên 600 loài rong biển là nguồn thức ăn có dinh dưỡng cao và là nguồn dược liệu phong phú.

- *Khoáng sản*: Dưới đáy biển nước ta có nhiều khoáng sản quý như:

- *Dầu mỏ*: Biển Đông được coi là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Vùng biển Việt Nam rộng hơn 1 triệu km² 10 tỷ tấn quy dầu. Ngoài dầu Việt Nam còn có khí đốt với trữ lượng khoảng ba nghìn tỷ m³/năm. Hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở Việt Nam đã được bắt đầu triển từ những năm 1960 với sự giúp đỡ của Liên Xô và đưa vào khai thác từ năm 1981. Hoạt động khai thác dầu khí được duy trì tại 6 mỏ ở thềm lục địa phía nam: Bạch Hổ, Đại Hùng, Rồng, Rạng Đông, Hồng Ngọc. Ngành dầu khí trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước và luôn đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu. Nhà máy lọc dầu đầu tiên cũng đã được khánh trương xây dựng và đưa vào hoạt động ở Dung Quất (Quảng Ngãi). Phương hướng cơ bản sắp tới là đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí trên thềm lục địa và vươn ra xa, đi xuống sâu hơn.

- Năng lượng bờ biển: năng lượng gió (phong điện) ở vùng ven biển và trên các hải đảo. năng lượng mặt trời, năng lượng biển (sóng, dòng chảy và thủy triều). Một nguồn năng lượng sạch, tái tạo trong tương lai.

- *Giao thông*: là điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển và mở rộng giao lưu với bên ngoài. Hầu hết các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đều có các hoạt động thương mại hàng hải rất mạnh trên Biển Đông. Trong tổng số 10 tuyến đường biển lớn nhất trên thế giới hiện nay, có 5 tuyến đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông.

- *Du lịch*: Trong số khoảng hơn 100 bãi biển ở nước ta có khoảng 26 bãi biển đẹp (dài, rộng, thoải, cát trắng mịn, nước biển trong sạch, có nhiều bãi cát, vụng, vịnh, hang động tự nhiên đẹp, nằm ở nơi cảnh quan xung quanh đẹp, không có cá dữ và sinh vật gây hại,...). là tiềm năng du lịch lớn của nước ta.

+ *Quốc phòng, an ninh*:

- Biển nước ta nằm trên đường giao thông quốc tế từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, vì vậy có vị trí quân sự hết sức quan trọng. Đứng trên vùng biển-đảo của nước ta có thể quan sát không chế đường giao thông huyết mạch ở Đông Nam Á.

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, là tuyến phòng thủ hướng đông của đất nước, tạo khoảng không gian cần thiết giúp kiểm soát việc tiếp cận lãnh thổ trên đất liền. Biển-đảo nước ta có tầm quan trọng hết sức lớn lao đối với sự phát triển trường tồn của đất nước.

+ *Vai trò quan trọng của môi trường biển đối với đời sống con người*

Nhờ có 71% diện tích biển và đại dương bao phủ bề mặt mà môi trường, biển là cội nguồn của sự sống trên Trái đất. Không có biển và đại dương, cuộc sống như được biết hôm nay có thể không tồn tại, là một "cỗ máy điều hoà nhiệt độ" và "cỗ lò sưởi" khổng lồ có tác dụng điều chỉnh cân bằng các cực từ nhiệt độ. Thiếu biển và đại dương, các đại lục sẽ trở thành các sa mạc khô cằn, môi trường sống của loài người trên Trái đất sẽ khắc nghiệt hơn. Biển có khả năng thu và lưu giữ được 30% lượng CO₂ thừa.

II. QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

1. Cội nguồn dân tộc biển

Biển, đảo Việt Nam không chỉ trải suốt dọc chiều dài đất nước hàng ngàn cây số bờ biển, với hàng ngàn hòn đảo từ Bắc vào Nam, mà ở sâu trong tiềm thức người Việt gắn với truyền thuyết về cội nguồn dân tộc và văn hóa biển đặc sắc.

Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ, từ bọc trăm trứng sinh ra trăm người con, 50 người con lên rừng, 50 người con xuống biển lập nghiệp đã cho thấy, từ xa xưa, tổ tiên ta không chỉ sinh sống trên đất liền mà còn gắn bó với biển khơi. Những truyền thuyết khác về Chử Đồng Tử, Mai An Tiêm... phản ánh người Việt cổ đã chú ý tới khai thác nguồn lợi từ biển.

Đó là tư duy sơ khai nhất về quá trình chinh phục, khai phá biển đảo của người Việt cổ. Điều đó thể hiện rằng ý thức của người Việt Nam đối với đảo có từ rất sớm. Bên cạnh đất liền với câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh đấu tranh để chế ngự thiên nhiên, thì ra ngoài hoang đảo, con người Việt Nam vẫn có sức sống mang lại sự giàu có, sự trù phú ở biển đảo.

Qua các cuộc khai quật khảo cổ học rất phong phú được phát hiện trong đời sống người Hạ Long, người Hoa Lộc, người Bàu Tró, hang động ở Cát Bà, trong các di chỉ bãi biển như ở Cái Bèo, Sa Huỳnh (miền Trung) cũng như ở Óc Eo.... để nói rằng người Việt không chỉ ra khai thác, chinh phục biển mà còn để lại một nền văn minh biển cả của người Việt từ rất sớm. Các thế hệ người Việt đã xây dựng và vun đắp lên một nền văn hóa biển đặc sắc Việt Nam, từ phong tục tập quán, những tri thức, kinh nghiệm, đã đời đời ngấm vào máu thịt người dân, trở thành ca dao, tục ngữ. “Thuận vợ, thuận chồng Biển Đông tát cạn/Thuận bè, thuận bạn, tát cạn Biển Đông”.

Trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là ngư dân bao đời gắn bó với nghề biển, những vùng biển như Vịnh Bắc Bộ, Hoàng Sa, Trường Sa, biển Tây Nam... là ngư trường truyền thống, là chốn mưu sinh, là máu thịt không thể tách rời của đất mẹ Việt Nam.

2. Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền

Từ thế kỷ thứ 10 Việt Nam đã chính thức giành được độc lập, từ đó các triều đại phong kiến Việt Nam luôn coi việc bảo vệ biên cương biển đảo của tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của dân tộc. Từ thời Lý, Trần, Lê biển đảo được coi là chiến lược phát triển của quốc gia Đại Việt khi mở mang bờ cõi xuống phía Nam. Các tư liệu lịch sử đã chứng minh hùng hồn rằng ít nhất từ thế kỷ XVII chúa Nguyễn đã xác lập chủ quyền và khai thác hiệu quả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ khi các quần đảo này còn là vùng

đất vô chủ chưa thuộc bất cứ một quốc gia nào. Thực thi chủ quyền một cách thực sự liên tục, hòa bình phù hợp với luật pháp đương thời không gặp bất kỳ sự phản đối của quốc gia nào, không chỉ tuyên bố mà còn tiến hành khai thác và quản lý. Như vậy các vị vua An Nam đã chủ ý thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo mà các nước khác trong khu vực không có. Đây là chủ quyền không thể tranh cãi trở thành một phần lãnh thổ thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.

Thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), trong “Toàn tập Thiên Nam tứ chi lộ đồ thư” đã vẽ bản đồ Hoàng Sa và Trường Sa, lúc đó ta gọi là “*bãi cát vàng*” và “*Vạn lý Trường Sa*”. Vào nửa đầu thế kỷ XVII, Chúa Nguyễn tổ chức “*Đội Hoàng Sa*”, lấy người từ xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi ra quần đảo Hoàng Sa thu lượm hàng hóa của các tàu đắm, đánh bắt hải sản quý hiếm mang về dâng nộp triều đình; đồng thời đo vẽ, trồng cây và dựng mốc trên quần đảo. Chúa Nguyễn tổ chức thêm “*Đội Bắc Hải*”, lấy người từ thôn Tứ Chính, xã Cảnh Dương, phủ Bình Thuận, cấp giấy phép ra quần đảo Trường Sa làm nhiệm vụ như *Đội Hoàng Sa*.

Thế kỷ XVIII, trong “*Đại Nam nhất thống toàn đồ*” đã ghi rõ Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa là một trong những đảo của Việt Nam.

Nhà nước phong kiến Việt Nam suốt trong 3 thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, dù trải qua 3 triều đại khác nhau, đều đã thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình, tiến hành chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nhà nước Việt Nam thời nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng *đội Hoàng Sa*, *đội Bắc Hải* làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: Thời nhà Nguyễn, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Các hoạt động của Nhà Nguyễn tại Hoàng Sa và Trường Sa được lưu lại không chỉ trong tài liệu lịch sử của nhiều tác giả trong nước mà còn được người nước ngoài ghi chép lại khi họ đến làm ăn, sinh sống tại Việt Nam. Cụ thể như: Trong “*Toàn tập Thiên nam tứ chi lộ đồ thư*” của Đỗ Bá tự Công Đạo (1686); “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn (1776) đã tả kỹ về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Phan Huy Chú (1782 - 1840) trong sách “*Lịch triều hiến chương loại chí*” và “*Hoàng Việt địa dư chí*” còn mô tả việc quản lý Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn *Đại Nam thực lục tiền biên* (1844 - 1848), *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam nhất thống chí*...

Từ ngày 6/6/1884, sau khi triều Nguyễn ký với Pháp Hiệp ước Giáp Thân, công nhận sự thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam. Từ đó, Pháp thực hiện chủ quyền với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Pháp còn cho đặt cột mốc, xây hải đăng, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện phái các đơn vị bảo an đến đồn trú trên các đảo trên hai quần đảo. Trong quan hệ quốc tế, Pháp đã nhiều lần lên tiếng phản đối các đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1887, Pháp và triều đình Mãn Thanh ký công ước hoạch định biên giới trên bộ và trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

Suốt thời gian từ 1927 đến 1945, chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam, chưa bao giờ từ bỏ chủ quyền Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, Nhật bản tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng.

Năm 1945, quân đội Nhật phải rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Tháng 9/1951, tại Hội nghị San Franxitco, ông Trần Văn Hữu, Thủ tướng Chính phủ của Bảo Đại, trưởng phái đoàn của Việt Nam đã tuyên bố chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Về hành chính, năm 1956, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa quyết định quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Tuy Phước và chuyển quần đảo Hoàng Sa từ tỉnh Thừa Thiên về tỉnh Quảng Nam quản lý (1961).

Năm 1956 Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm các đảo phía Đông (tháng 4/1956) và các đảo phía Tây (tháng 01/1974) quần đảo Hoàng Sa, chính quyền Việt Nam trong mỗi thời kỳ đã cực lực lên án và kiên quyết phản đối.

Tháng 4/1975, Hải quân nhân dân Việt Nam giải phóng các đảo ở Trường Sa do quân đội Sài Gòn đóng giữ, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và tuyên bố quyền bảo vệ chủ quyền đó.

Tuyên bố của Chính phủ ngày 12/11/1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam đều khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Trong các năm 1979, 1981 và 1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã 3 lần công bố *Sách trắng* về 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Năm 1982, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ký Quyết định thành lập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai, huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sáp nhập huyện Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh.

Năm 1988, CHND Trung Hoa đã huy động lực lượng vũ trang đánh chiếm các bãi cạn phía tây bắc quần đảo Trường Sa.

Năm 1994, Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Năm 1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng.

Năm 2009, Thành phố Đà Nẵng công bố quyết định bổ nhiệm ông Đặng Công Ngữ giữ chức Chủ tịch UBND Huyện Hoàng Sa...

Cho đến nay, ngoài những hoạt động kể trên, Việt Nam đang đóng giữ và quản lý 21 vị trí tại quần đảo Trường Sa; không ngừng củng cố và phát triển các cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Văn bản pháp luật liên quan đến biển

- Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam các năm 1980, 1992.
- Luật Biên giới quốc gia năm 2003.
- Luật Dầu khí năm 1993
- Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông 2002 (DOC. Đây là văn kiện chính trị đầu tiên mà ASEAN và Trung Quốc đạt được có liên quan đến vấn đề Biển Nam Trung Hoa (Biển Đông)
- Luật Thủy sản số 2003
- Luật Hàng hải Việt Nam 2005
- Luật Biển 2012.
- Năm 1994 về việc phê chuẩn Công ước về Luật Biển năm 1982 của Liên Hợp quốc.

3. Chứng cứ lịch sử khẳng định: Hoàng Sa và Trường Sa là máu thịt Tổ quốc Việt Nam

Thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497), trong “Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư” ta đã vẽ bản đồ Hoàng Sa và Trường Sa, lúc đó ta gọi là “*bãi cát vàng*” và “Vạn lý Trường Sa”

Vài nét khái quát về Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư - một trong những tác phẩm đầu tiên đề cập đến chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường sa

Cuốn sách Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư gồm 4 quyển, Đỗ Bá, tên tự là Đạo Phủ (thường được gọi là Đỗ Bá Công Đạo) sưu tầm, biên soạn đã xác nhận rằng Chúa Nguyễn lập đội Hoàng Sa để quản lý và khai thác quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ XVII.

Ở giữa biển, có một quần đảo dài 400 lý và rộng 200 lý có tên là "Bãi Cát Vàng" nhô lên từ đáy biển. Việt Nam thời xưa đã chiếm hữu, chính thức khai thác "Bãi cát vàng" (quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa). Như vậy Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư do Đỗ Bá Công Đạo sưu tập, soạn vẽ và chính thức hoàn thành theo lệnh của chúa Trịnh có thể coi là văn kiện của nhà nước, một tài liệu chính thức của quốc gia.

Trường Sa và Hoàng sa được ghi chép khá kỹ trong một số thư tịch cổ và được thể hiện rõ ràng trong các châu bản (văn bản quản lý hành chính nhà nước của triều đình nhà Nguyễn) với một số bộ sách và các châu bản tiêu biểu.

Trường Sa, Hoàng Sa được ghi chép khá kỹ trong khá nhiều tư liệu cổ về việc lập đội Hoàng Sa để quản lý và khai thác quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ XVII, miêu tả khá chi tiết về quần đảo Hoàng Sa lập miếu, dựng bia, trồng cây ở Hoàng Sa và khảo sát, đo vẽ bản đồ toàn bộ khu vực.

Châu bản triều Nguyễn đề cập chi tiết tới nhiều sự kiện liên quan đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và chủ quyền của Việt Nam.

Vài nét về đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải

Suốt trong ba thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, một tổ chức của nhà nước, đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải (do đội Hoàng Sa kiêm quản), là bằng chứng hùng hồn có giá trị pháp lý về sự xác lập chủ quyền của Đại Việt ở Đàng Trong đối với Hoàng Sa.

Đội Hoàng Sa ra đời ở Cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Rẻ thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một tổ chức nhà nước, vừa mang tính chất dân sự, vừa mang tính chất quân sự; vừa có chức năng kinh tế, vừa có chức năng quản lý nhà nước ở Biển Đông, ra đời từ đầu thời chúa Nguyễn.

Đứng đầu đội Hoàng Sa là một "cai đội", những thành viên trong Đội được gọi là "lính". Đó là những quân nhân đi làm nhiệm vụ do Vua, Chúa ban.

Thời Chúa Nguyễn, mỗi năm lấy 70 suất đinh để thực hiện những nhiệm vụ của đội Hoàng Sa.

Sử sách Việt Nam và của cả Trung Quốc đều chép đội Hoàng Sa được thành lập vào đầu thời chúa Nguyễn. Hải ngoại ký sự (Trung Quốc)

Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải có nhiệm vụ thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, súng thần công, tiền bạc, các hải sản quý từ vùng biển quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, về sau còn đảm trách đi xem xét, đo đạc thủy trình vùng Hoàng Sa.

Vài nét về một số bản đồ cổ tiêu biểu thể hiện Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ của Việt Nam

Các nhà nghiên cứu đã sưu tầm và công bố nhiều bản đồ cổ đáng tin cậy của Việt Nam cũng như của các nhà truyền giáo, hàng hải phương Tây thể hiện Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, từ năm 1467, vua Lê Thánh Tông đã ra lệnh điều tra hình thể sông núi thuộc địa phương để vẽ thành bản đồ. Bộ Hồng Đức bản đồ được hoàn thành vào cuối năm 1469, được bổ sung nhiều lần về sau, gồm bản đồ cả nước và các địa phương, trong đó có các vùng biển, đảo, đã ghi lại khá toàn diện hình ảnh của quốc gia Đại Việt ở cuối thế kỷ XV.

Tiếp đó, khoảng năm 1686, Đỗ Bá Công Đạo (người Nghệ An) biên soạn bộ Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư có đoạn mô tả về quần đảo Hoàng Sa (Bãi cát Vàng) được cho là dựa trên cơ sở trích từ tập Hồng Đức bản đồ. Trong hai bộ bản đồ này đều có vẽ một bãi cát dài nằm ở ngoài biển kéo từ cửa Đại Chiêm qua cửa Sa Kỳ đến Sa Huỳnh có ghi rõ là Bãi cát Vàng.

Đến thời Nguyễn (thế kỷ XIX), việc đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ về quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, thời vua Minh Mạng đã hoàn thiện và công bố chính thức bản đồ quốc gia gọi là Đại Nam nhất thống toàn đồ. Bản đồ này đã thể hiện chi tiết bờ biển và hải đảo của Việt Nam, trong đó ghi rõ chủ quyền của Việt Nam bao gồm cả vùng quần đảo giữa Biển Đông.

Từ thế kỷ XVI, các nhà hàng hải phương Tây đã có nhiều ghi chép và bản đồ xác định vùng quần đảo giữa Biển Đông, thuộc chủ quyền của Việt Nam. Trong số các bản

đồ của giáo sĩ và thương nhân phương Tây khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong vùng biển Việt Nam.

Mặt khác, nhiều bản đồ của Trung Quốc và các nước phương Tây cũng thể hiện cực Nam của lãnh thổ Trung Quốc chỉ giới hạn đến cực Nam của đảo Hải Nam.

Lễ Hội: lễ khao lề thế lính Hoàng Sa của ngư dân Lý Sơn

Trước khi giông bão vượt biển Đông, các thành viên của hải đội Hoàng Sa được gia đình, họ tộc làm lễ "tế sòng", gọi là Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa. Lễ này thường diễn ra vào tháng 3 âm lịch hằng năm.

Ngày nay, cũng vào tháng 2, tháng 3 âm lịch hàng năm, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi và nhân dân trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) đều tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa tại đình làng An Vĩnh, xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã trở thành một nghi lễ truyền thống nhằm giữ gìn bản sắc quê hương, tri ân đến những người con đất Việt qua các thế hệ đã không quản khó khăn, thậm chí hy sinh cả tính mạng mình để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, đồng thời giáo dục con cháu lòng yêu nước, tự hào dân tộc cũng như ý thức sâu sắc về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Hàng năm, ngư dân trên đảo Lý Sơn vẫn thường xuyên tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa. Do tính chất và ý nghĩa của nó, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã được nhà nước quyết định nâng cấp trở thành lễ hội cấp quốc gia và đình làng An Vĩnh, nơi diễn ra lễ hội này đã được công nhận là Di tích Văn hóa phi vật thể của Việt Nam.

4. Khái quát về Hoàng Sa - Trường Sa

- Quần đảo Hoàng Sa

+ Quần đảo Hoàng Sa là một quần đảo san hô nằm giữa Biển Đông.

+ Quần đảo Hoàng Sa nằm trong kinh độ 111⁰ đến 113⁰ Đông, vĩ độ 15⁰45'; đến 17⁰15', ngang với vĩ độ Huế và Đà Nẵng. Hoàng Sa nằm ở phía Bắc Biển Đông, trên đường biển quốc tế từ Châu Âu đến các nước phía Đông và Đông Bắc Á và giữa các nước châu Á với nhau.

+ Quần đảo Hoàng Sa gồm trên 30 đảo trong vùng biển rộng khoảng 15.000 km² chia ra làm 2 nhóm: Nhóm phía Đông có tên là An Vĩnh, gồm khoảng 12 đảo nhỏ và một số đảo san hô, trong đó có 2 đảo lớn là Phú Lâm và Linh Côn, mỗi đảo rộng 1,5km²; nhóm phía Tây gồm nhiều đảo xếp vòng cung nên gọi là nhóm lưỡi liềm, trong đó có các đảo Hoàng Sa (diện tích 1km²) Quang Ảnh, Hữu Nhật, Quang Hoà, Duy Mộng, Chim Yến, Tri Tôn... Riêng đảo Hoàng Sa có trạm khí tượng của Việt Nam hoạt

động từ năm 1938 đến 1947, được tổ chức khí tượng quốc tế đặt số hiệu 48-860 (số 48 chỉ khu vực Việt Nam).

+ Dưới triều Nguyễn, quần đảo Hoàng Sa thuộc phủ Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam. Năm 1938 thuộc tỉnh Thừa Thiên. Năm 1961 gọi là xã Định Hải, quận Hoà Vang tỉnh Quảng Nam. Năm 1982 Chính phủ ta quyết định thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Nay trở thành huyện Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.

+ Năm 1956 Trung Quốc chiếm phần phía Đông của quần đảo Hoàng Sa. Tháng 1/1974, trong lúc quân và dân ta đang tập trung sức tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung Quốc đã đem quân ra đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

- Quần đảo Trường Sa

+ Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa khoảng 200 hải lý về phía Nam. Quần đảo Trường Sa bao gồm hơn 100 đảo nhỏ, bãi ngầm, bãi san hô nằm trải rộng trong một vùng biển khoảng 180.000 km² với chiều Đông Tây là 325 hải lý, chiều Bắc Nam là 274 hải lý, từ vĩ độ 6°30' Bắc đến 12° Bắc và từ kinh độ 111°30' Đông đến 117°20' Đông, cách Cam Ranh 248 hải lý, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) 595 hải lý.

+ Quần đảo Trường Sa được chia làm 10 cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bãi Vũng Mây, Bãi Hải Sâm, Bãi Lim, Song Tử Tây là đảo cao nhất (cao 4 đến 6 mét lúc triều xuống); Ba Đình là đảo rộng nhất (0,6km²) trong quần đảo.

Điều kiện tự nhiên và khí hậu vùng này rất khắc nghiệt: nắng gió, giông bão thường xuyên, thiếu nước ngọt, nhiều đảo không có cây. Quần đảo Trường Sa không chỉ là vị trí quân sự chiến lược án ngữ phía Đông Nam nước ta, bảo vệ vùng biển và hải đảo ven bờ, mà còn là một vùng có trữ lượng lớn phốt phát khá lớn, có nhiều loại động thực vật và có thể có nhiều dầu. Việt Nam đang có mặt và bảo vệ 21 đảo và bãi đá ngầm trên quần đảo Trường Sa.

III. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

1. Tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông

Từ nhiều năm nay, vấn đề Biển Đông đã trở thành vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều quốc gia. Tại đây đã và đang tồn tại các vấn đề tranh chấp.

Các loại tranh chấp: Ở Biển Đông đang tồn tại hai loại tranh chấp chủ yếu, đó là tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ và tranh chấp về phân định biển (việc xác định ranh giới các vùng chồng lấn về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa) của các bên liên quan.

Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở Biển Đông hiện bao gồm: đối với các quần đảo Hoàng Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan); quần đảo Trường Sa giữa 5 nước, 6 bên gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Malaysia, Brunei và một bên là Đài Loan

Hiện nay, Trung Quốc đang chiếm đóng toàn bộ quần đảo Hoàng Sa. Tại quần đảo Trường Sa, Việt Nam đang quản lý và đóng quân trên 21 đảo đá, Philippin 9 đảo đá, Trung Quốc 9 đảo đá và bãi cạn, Malaysia 5 đảo đá và bãi cạn, Đài Loan 1 đảo đá là Ba Bình (đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa).

Brunei tuy được coi là một bên có tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, nhưng trên thực tế nước này hiện không chiếm giữ bất kỳ đảo đá hay bãi cạn nào ở khu vực Trường Sa.

Về tranh chấp phân định các vùng biển.

Chồng lấn về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa tại khu vực này. Trong đó, bên cạnh yêu sách đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, Trung Quốc chủ trương và từng bước thực hiện quyền và lợi ích biển đối với “đường lưỡi bò” (có lúc nói 9 đoạn, có lúc nói 11 đoạn) bao trùm một khu vực rộng lớn trên Biển Đông. Yêu sách này xuất hiện chính thức lần đầu tiên trên Bản đồ do chính phủ Trung Hoa dân quốc công bố năm 1948 (có lúc nói năm 1947).

Nguyên nhân tranh chấp chính (có 5 nguyên nhân): Do địa lý; Do sự tồn tại dai dẳng các tranh chấp về chủ quyền đối với một số nhóm đảo, đảo đá; Do có sự chồng lấn giữa các vùng biển; Do yêu sách biển của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” (đường lưỡi bò); Do các hoạt động đơn phương trên thực địa làm thay đổi nguyên trạng.

Nguyên nhân chủ yếu là:

Do yêu sách biển của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” (đường lưỡi bò);

Do các hoạt động đơn phương trên thực địa làm thay đổi nguyên trạng. Khiến cho các tranh chấp chủ quyền và tranh chấp phân định biển giữa các nước liên quan có tính chất rất phức tạp.

Trung Quốc có thể không nổ súng nhưng những hành động của Trung Quốc có tính chất khiêu khích. Trung Quốc đang thúc đẩy các hoạt động quân sự và hoạt động kinh tế để khẳng định chủ quyền ở Biển Đông trong khi đó tất cả các bản đồ của Trung Quốc từ thế kỉ 20 về trước không hề vẽ lãnh thổ Trung Quốc qua vĩ độ 18, không vượt qua đảo Hải Nam.

Tranh chấp Biển Đông đang là vấn đề an ninh toàn cầu

Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 cố tình hợp thức hóa trên trường quốc tế đồng thời hành động thực tế hóa để từng bước biến nó thành yêu sách chính thức cả về mặt lý thuyết lẫn thực tế.

Trung Quốc ngang nhiên bồi đắp hơn 10 bãi đá cường chiếm của Việt Nam, số tiền bỏ ra gần 12 tỉ USD

2. Tình hình tranh chấp trên Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc

Tranh chấp trên Biển Đông đã có trước đó. Tuy nhiên, từ đầu năm 2007 đến nay, tình hình Biển Đông diễn biến theo chiều hướng phức tạp hơn khi Trung Quốc liên tiếp có các hoạt động vi phạm chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông.

Năm 2014, Trung Quốc ngày càng gia tăng các hoạt động trên thực địa, ngoại giao để độc chiếm Biển Đông, đã **hạ đặt Giàn khoan Hải Dương 981** vào vùng quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ta.

Năm 2015, **Trung Quốc đã tôn tạo bất hợp pháp**, biến các bãi đá ngầm, dải san hô ở cả quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thành các đảo nổi với tốc độ nhanh chưa từng có.

Hiện nay, Trung Quốc đã **triển khai các thiết bị quân sự, vũ khí trên các đảo** ở Biển Đông mà Trung Quốc đã dùng vũ lực, chiếm đóng trái phép của Việt Nam.

Tháng 11 - 2020 Trung Quốc đưa ra dự luật hải cảnh mới **cho phép lực lượng hải cảnh nước này xử dụng vũ khí** trong vùng biển mà Bắc Kinh cho là quyền tài phán của Hoa lục. Điều này có nghĩa ngư dân VN đánh bắt cá ở Biển Đông sẽ đối mặt với những nguy hiểm mới từ tàu chấp pháp của Trung Quốc. Trung Quốc đang cố gắng nguy trang cho những gì họ làm, họ nói luật của chúng tôi cho phép nên đừng can thiệp vào công việc của chúng tôi. Đây là điều đáng báo động, các tàu hải cảnh của Trung Quốc

được trang bị đầy đủ và tương đương như tàu chiến. Bây giờ họ không cần phải đâm tàu nữa họ chỉ cần bắn nếu ngư dân chống cự. Chính điều này Biển Đông đang là một vấn đề đáng quan ngại không chỉ đối với khu vực mà còn cả thế giới. Luật mới cũng cho phép lực lượng chấp pháp của Trung Quốc được quyền lên tàu khám xét tàu nước ngoài ở vùng nước tranh chấp, phá huỷ các cấu trúc mà nước khác xây dựng ở các thực thể mà Trung Quốc đòi chủ quyền.

Năm 2021, **220 tàu Trung Quốc neo đậu xung quanh đá Ba Đầu** tại cụm đảo Sinh Tồn qua các hình ảnh được Philippines công bố, tổ là tàu dân quân biển, đánh dấu một bước leo thang nguy hiểm, nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đã bày tỏ quan ngại về hành vi này của Trung Quốc. Các đội tàu dân quân biển Trung Quốc từ lâu đã bị nghi ngờ là công cụ để Bắc Kinh thực hiện chủ quyền phi lý trên Biển Đông. Các đội tàu này thường xuyên xuất hiện ở khu vực Trung Quốc tuyên bố chủ quyền, để gây áp lực với các quốc gia trong khu vực.

Năm 2020 và 2021 tàu hải cảnh Trung Quốc xua đuổi, phun vòi rồng, húc chìm tàu cá của ngư dân Việt Nam

Trung Quốc đã phản đối, tìm cách ngăn cản các công ty dầu khí nước ngoài đang hợp tác thăm dò, khai thác dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam với nhiều phương thức khác nhau, vừa lôi kéo vừa gia tăng sức ép, phản đối ngoại giao, buộc các nước, các đối tác phải dừng, phải hủy bỏ các hợp đồng nghiên cứu, khai thác dầu khí với Việt Nam, kể cả việc sử dụng tàu và máy bay có vũ trang cản trở hoạt động của ta trên biển. Chúng ta đã kiên trì giao thiệp và đấu tranh qua đường ngoại giao cũng như trên thực địa, kiên quyết phản đối những đòi hỏi vô lý của phía Trung Quốc. Đến nay, hầu hết các đối tác dầu khí nước ngoài tiếp tục hoạt động bình thường trên thềm lục địa Việt Nam.

Phía ta cũng có nhiều biện pháp bảo vệ hoạt động bình thường của ngư dân ta trên biển, kiên quyết phản đối và bồi thường đối với các hoạt động xâm hại đến tính mạng và phương tiện của ngư dân ta. Đặc biệt, Trung Quốc tổ chức bắt, phạt tàu đánh cá của ngư dân ta đang hành nghề hợp pháp trên các vùng biển của ta; một số vụ bắt khi ngư dân ta đánh bắt ở vùng biển Hoàng Sa, bắt người nhà lên biên giới nộp tiền mới thả tàu; phạt lần sau cao hơn lần trước; thậm chí còn đuổi bắt và bắn vào tàu cá của ta. Mục đích cuối cùng là để cho ngư dân ta không dám ra làm ăn trên vùng biển này, đây là hành động có sự tính toán của Trung Quốc nhằm khẳng định chủ quyền. Gần đây Trung Quốc phá hoại, cản trở các hoạt động thăm dò khảo sát bình thường của Việt Nam trong

thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, gây thiệt hại lớn cho Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Trung Quốc tiến hành tập trận bắn đạn thật với tần suất ngày càng cao trên Biển Đông. Những hành động bất chấp luật pháp và coi thường các nước đang ảnh hưởng đến an ninh Biển Đông và an ninh khu vực không chỉ các nước trực tiếp liên quan mà nhiều quốc gia khác trên thế giới rất quan ngại về hành động và việc làm của Trung Quốc tại Biển Đông.

3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết tranh chấp trên biển Đông

Tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông phải được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế trong đó có Công ước Luật Biển 1982.

Các biện pháp đấu tranh hòa bình bao gồm:

- 1) Biện pháp đấu tranh chính trị*
- 2) Biện pháp đấu tranh ngoại giao*
- 3) Biện pháp đấu tranh pháp lý*
- 4) Biện pháp đấu tranh bằng phương tiện truyền thông và dư luận xã hội trong nước và quốc tế.*
- 5) Biện pháp đấu tranh hòa bình ngoài thực địa*

Mỗi khi chủ quyền và quyền chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên Biển Đông bị xâm phạm, lãnh đạo Đảng, Nhà nước luôn thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết, kiên trì bằng các biện pháp hòa bình, cụ thể là thông qua các diễn đàn, các cuộc gặp gỡ trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao... Những năm gần đây, khi vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, chúng ta càng có thêm nhiều cơ hội để đưa ra tiếng nói, khẳng định chủ quyền ở Biển Đông tại các cơ chế, diễn đàn đa phương. Điển hình nhất là trong thời gian đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021, Việt Nam đã nhiều lần nêu vấn đề Biển Đông để cộng đồng quốc tế có cái nhìn khách quan, đúng đắn về vấn đề này.

Bởi vậy, dù tình hình trên biển nhiều lúc căng thẳng, phức tạp, Việt Nam vẫn đạt được mục tiêu, đó là giữ vững chủ quyền biển, đảo, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, không để xảy ra xung

đột. Qua đó càng chứng minh chủ trương, đường lối, chính sách giải quyết bất đồng trên Biển Đông của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam và những cuộc chiến tranh trên thế giới đã chứng minh cho hậu quả nghiêm trọng của xung đột vũ trang. Người dân Việt Nam hơn ai hết mong muốn hòa bình, ổn định và phát triển. Do đó, với vấn đề Biển Đông, ưu tiên hàng đầu của Việt Nam là giải quyết bất đồng bằng các biện pháp hòa bình. Chiến tranh chỉ là giải pháp cuối cùng, bất khả kháng để tự vệ và bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

Đảng và Nhà nước chúng ta lại chủ trương giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng các biện pháp hòa bình. Vì mấy lý do sau đây:

1) Vì chủ trương này phù hợp với xu thế thời đại (đó là xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển), phù hợp với luật pháp quốc tế (quy định các nước giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp hòa bình)

2) Vì chủ trương này phù hợp với truyền thống hòa hiếu của dân tộc ta trong lịch sử.

3) Vì thực tiễn giải quyết tranh chấp chủ quyền giữa nước ta với các nước láng giềng cũng đã thành công trong nhiều vấn đề.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình, kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển;

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), cùng các nước ASEAN và Trung Quốc tiến hành đàm phán để sớm đạt được Bộ Quy tắc về ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC); kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nhưng phải đảm bảo được môi trường hòa bình để phát triển..

Tiến hành đấu tranh khôn khéo, linh hoạt, bài bản, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế, kể cả nhân dân tiến bộ Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ, tăng cường hợp tác với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, song tuyệt nhiên không có tư tưởng và hành động dựa dẫm, ỷ lại hoặc "lôi bè kéo cánh" để giải quyết bất đồng về chủ quyền lãnh thổ. Chính sách không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ của Việt Nam để chống lại nước khác;

không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế của Việt Nam, là những quan điểm, chính sách nhất quán, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Thời gian gần đây, quan hệ đối ngoại, hợp tác quân sự, quốc phòng của Đảng, Nhà nước ta ngày càng mở rộng. Bên cạnh đó, Mỹ và một số nước khác cũng đã lên tiếng công khai phản đối Trung Quốc, ủng hộ Việt Nam về tình hình Biển Đông.

Do đó, đối với vấn đề tranh chấp trên Biển Đông hiện nay, chúng ta phải đặc biệt cảnh giác trước chiêu bài của các phần tử phản động và thế lực thù địch.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh: âm mưu độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc không hề thay đổi. Đối với giải quyết mối quan hệ với Trung Quốc hiện nay Đảng, Nhà nước ta đã xác định: giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc. Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc là bất di, bất dịch, bất khả xâm phạm.

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết những mâu thuẫn trên biển hiện nay là thực hiện tốt phương châm: Bốn không, bốn tránh, chín K, bốn giữ vững.

Bốn không: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Bốn tránh: tránh xung đột, tránh đối đầu, tránh bị cô lập về chính trị, tránh bị lệ thuộc về chính trị.

Chín K: kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không để nước ngoài lấn chiếm và không để xảy ra xung đột, đụng độ, không nổ súng trước.

Bốn giữ vững: giữ vững chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển; giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Trung; giữ vững ổn định chính trị trong nước.

Chuẩn bị về mọi mặt, nhất là tăng cường tiềm lực quân sự quốc phòng để tăng cường phòng thủ đất nước; bồi đắp về tinh thần, lòng yêu nước sâu sắc, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố xây dựng thế trận quốc phòng, thế trận an ninh nhân dân.

Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân để tăng cường sự

đồng thuận, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc mới đủ sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của chúng ta. Việt Nam không để lệ thuộc về kinh tế; không để bị cô lập, chi phối về chính trị

Đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu của các thế lực cơ hội, cực đoan, thù địch lợi dụng vấn đề bất đồng về chủ quyền lãnh thổ để kích động, chia rẽ quan hệ giữa nước ta với các nước láng giềng; công kích, xuyên tạc chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển kinh tế biển của Đảng ta

a. Quan điểm chỉ đạo

Lần đầu tiên, tại Hội nghị Trung ương 8 (7-2003), Đảng ta ban hành Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, trong đó xác định:

- + Vị trí, vai trò vấn đề biển đảo
- + Tình hình quản lý và khai thác biển
- + Quan điểm chỉ đạo
- + Định hướng chiến lược phát triển kinh tế biển

Quan điểm chỉ đạo của Đảng: Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn

Định hướng: Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường;

Tiếp sau đó, tại Hội nghị Trung ương 8 (10-2018) khóa XII đã đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc bảo vệ biển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam

b. Mục tiêu đến năm 2030

Mục tiêu tổng quát:

- Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;
- Đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển;
- Hình thành văn hóa sinh thái biển;
- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;
- Ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực;
- Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng.

Mục tiêu cụ thể:

- Các thành phần kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP; các tỉnh, thành phố ven biển đóng góp 65-70% GDP đất nước.
- Chỉ số HDI trung bình của các tỉnh ven biển cao hơn trung bình cả nước; thu nhập cao hơn 1,2 lần.
- Tiếp cận, tận dụng tối đa các thành tựu KHCN tiên tiến thuộc nhóm dẫn đầu trong ASEAN.

Tầm nhìn đến 2045

- Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn;
- Kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Tham gia chủ động và trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

2. Một số chủ trương lớn và khâu đột phá

a. Một số chủ trương lớn:

- Phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên:
 - 1) Du lịch và dịch vụ biển;
 - 2) Kinh tế hàng hải;
 - 3) Khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản khác;
 - 4) Nuôi trồng và khai thác hải sản;
 - 5) Công nghiệp ven biển;
 - 6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.
- Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển:

+ Quảng Ninh- Ninh Bình trở thành trung tâm kinh tế biển, động lực phát triển kinh tế Bắc bộ và du lịch quốc gia;

+ Thanh Hóa-Bình Thuận: Phát triển cảng nước sâu trung chuyển quốc tế gắn với khu liên hợp dầu khí, điện, năng lượng tái tạo;

+ Vũng Tàu- TP HCM: cảng container quốc tế, dịch vụ hàng hải, công nghiệp phụ trợ;

+ Vùng Tiền Giang-Cà Mau-Kiên Giang: Trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển, công nghiệp khí, năng lượng tái tạo...

- Phát triển các vùng biển dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển:

+ Quảng Ninh- Ninh Bình trở thành trung tâm kinh tế biển, động lực phát triển kinh tế Bắc bộ và du lịch quốc gia;

+ Thanh Hóa-Bình Thuận: Phát triển cảng nước sâu trung chuyển quốc tế gắn với khu liên hợp dầu khí, điện, năng lượng tái tạo;

+ Vũng Tàu- TPHCM: cảng container quốc tế, dịch vụ hàng hải, công nghiệp phụ trợ;

+ Vùng Tiền Giang-Cà Mau-Kiên Giang: Trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển, công nghiệp khí, năng lượng tái tạo...

- Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai;

- Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Khâu đột phá

- Hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển;

- Phát triển KH-CN và nâng chất lượng nguồn nhân lực;

- Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, đồng bộ mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, kết nối chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây, giữa các vùng trong nước và với quốc tế.

b. Các giải pháp chủ yếu

1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong xã hội.

- 2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển.
- 3) Phát triển KH-CN và điều tra cơ bản.
- 4) Đẩy mạnh giáo dục-đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển.
- 5) Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển.
- 6) Chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển.
- 7) Huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn kinh tế biển mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982.*
2. *Luật số 18/2012/QH13 của Quốc hội (Luật Biển Việt Nam năm 2012), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.*
3. *Luật số 53/2005/QH11 của Quốc hội (Luật Thanh niên năm 2005), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006.*
4. *Quyết định số 568/2010/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020.*
5. Ban Tuyên giáo TƯ (2013), *100 Câu hỏi - đáp về biển đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (1993), *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt.*
7. Bộ Chính trị (1997), *Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22 tháng 9 năm 1997 về Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X) phần I*, NXB Chính trị Quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật.
13. Lại Lâm Anh (2014), *Phát triển kinh tế biển của Trung Quốc, Malaysia, Singapore và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
14. Nguyễn Quang Ân (1997), *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới hành chính, 1945 - 1997*, NXB Văn hóa Thông tin.
15. Võ Nguyên Giáp (1981), *Khoa học về biển và kinh tế miền biển*, NXB Sự thật Hà Nội,

16. Cổng thông tin Kinh tế Việt Nam,
<http://www.vnep.org.vn/Modules/CMS/Upload/6/Phat%20trien%20kinh%20te%20bien.doc>